TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày: 03/4/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tiền Giang;

2. Bà Lê Thị Mộng Tuyền.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa*: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 330/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ trụ sở: Toà nhà The Hallmark, số 15 Đ, phường T, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng Hương G, sinh năm 1997 hoặc ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1995; cùng địa chỉ liên hệ: Lầu 2, số 135 Trần Hưng Đạo, phường L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/3/2025). Bà Giang có mặt, ông Lâm vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1975 và bà Vũ Thị Tr, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: tổ 3, khu phố K, phường B, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông T và bà Tr đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Lâm và bà Nguyễn Hoàng Hương Giang thống nhất trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt Ngân hàng) với ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr đã thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số TDCN23005872/2023/NTB/HĐTD ngày 26/4/2023, Hợp đồng tín dụng số TDCN23005872.01/2023/NTB/PLHĐTD ngày 08/6/2023 và Khế ước nhận nợ số TDCN23005872/2023/NTB/KUNN ngày 26/4/2023, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 21/4/2023 để vay vốn tại Ngân hàng chi tiết như sau:

Số tiền vay: 1.184.000.000 đồng; mục đích vay: thanh toán tiền mua bất động sản; thời hạn vay: 300 tháng; lãi suất vay: trong 06 tháng đầu, lãi suất vay 12,5%/năm; từ tháng thứ 07 trở đi: áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là Kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 26/10/2023 theo công thức lãi suất như sau: lãi suất cho vay (điều chỉnh) = lãi suất tham chiếu (1) + biên độ tối thiểu (2). Trong đó: lãi suất tham chiếu: là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được OCB ban hành từng thời kỳ; biên độ tối thiểu: tối thiểu 4%/năm và được điều chỉnh theo khế ước nhận nợ số TDCN23005872/2023/NTB/KUNN ngày 26/4/2023; lãi suất quá hạn: bằng 150 % lãi suất vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 6, tại phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK725240, số vào sổ cấp GCN: CN13871 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/6/2023 cho ông Phạm Văn T. Tài sản bảo đảm đã được công chứng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST23015116/2023/NTB/HĐTC ngày 08/6/2023 theo số công chứng: 006563 quyển số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Trần Thanh Vũ, đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số TDCN23005872/2023/NTB/HĐTD ngày 26/4/2023 và Hợp đồng tín dụng TDCN23005872.01/2023/NTB/PLHĐTD ngày 08/6/2023 và Khế ước nhận nợ số TDCN23005872/2023/NTB/KUNN ngày 26/4/2023 giữa OCB với ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 23/6/2023, bà Vũ Thị Tr loại thẻ OCB TCB Platinum, tính đến ngày 03/4/2025 tổng dư nợ thẻ tín

dụng: 94.417.269 đồng, trong đó, nợ gốc: 57.665.000 đồng, nợ lãi và phí: 36.752.269 đồng. Hạn mức thẻ tín dụng: 60.000.000 đồng.

Tổng nghĩa vụ nợ của ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr theo Hợp đồng tín dụng số TDCN23005872/2023/NTB/HĐTD ngày 26/4/2023, Hợp đồng tín dụng số TDCN23005872.01/2023/NTB/PLHĐTD ngày 08/6/2023, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 23/6/2023 tạm tính đến ngày 03/4/2025 là 1.289.773.580 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.118.575.921 đồng; nợ lãi: 76.780.390 đồng (trong đó: lãi trong hạn: 73.821.622 đồng; lãi quá hạn: 2.958.768 đồng); nợ thẻ tín dụng: 94.417.269 đồng.

Ngân hàng TMCP Phương Đông đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr vẫn không thanh toán nợ vay cho OCB.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Phương Đông yêu cầu sau:

1. Buộc ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr trả cho Ngân hàng TMCP Phương Đông tổng số nợ tạm tính đến ngày 03/4/2025 là 1.289.773.580 đồng; trong đó: nợ gốc 1.118.575.921 đồng, nợ lãi: 76.780.390 đồng (trong đó: lãi trong hạn: 73.821.622 đồng; lãi quá hạn: 2.958.768 đồng), nợ thẻ tín dụng 94.417.269 đồng (tiền thẻ gốc: 57.665.000 đồng, nợ lãi và phí: 36.752.269 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 04/4/2025 cho đến khi ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Phương Đông. Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay khi Quyết định/Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Trường hợp ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST23015116/2023/NTB/HĐTC ngày 08/6/2023 theo số công chứng 006563, quyển số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr thống nhất trình bày: Ông T và bà Tr thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày nêu trên của đại diện Ngân hàng TMCP Đ về việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và thẻ tín dụng như đại diện Ngân hàng đã trình bày nêu trên. Ông T và bà Tr còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số DCN23005872/2023/NTB/HĐTD ngày 26/4/2023; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDCN23005872.01/2023/NTB/PLHĐTD ngày 08/6/2023; thẻ tín dụng thì bị đơn ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với

tổng số tiền đến ngày 11/02/2025 là: 1.292.963.670 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng); trong đó: nợ gốc 1,124,795,000 đồng, nợ lãi: 76.107.129 đồng (trong đó: lãi trong hạn: 73.686.825 đồng, lãi quá hạn: 2.420.304 đồng); nợ thẻ tín dụng 92.061.541 đồng (tiền thẻ gốc: 58.662.900 đồng; tiền lãi: 33.398.641 đồng). Tuy nhiên, do ông bà đang gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên không thanh toán một lần cho Ngân hàng; mong muốn Ngân hàng xem xét miễn giảm tiền lãi và xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên liên quan đến Hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có trụ sở tại phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi: Theo chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án xác định, giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr có xác lập Hợp đồng tín dụng số TDCN23005872/2023/NTB/HĐTD ngày 26/4/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số

TDCN23005872.01/2023/NTB/PLHĐTD ngày 08/6/2023 và Khế ước nhận nợ số TDCN23005872/2023/NTB/KUNN ngày 26/4/2023, nội dung hợp đồng thể hiện, ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr vay của Ngân hàng số tiền 1.184.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua bất động sản, thời hạn vay 300 tháng, trả nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 của tháng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 26/3/2023 với hạn mức thẻ tín dụng là 60.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr thể hiện ý chí thoả thuận tự nguyện của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản cho phía bị đơn số tiền 1.184.000.000 đồng và cấp thẻ tín dụng với hạn mức 60.000.000 đồng cho bị đơn bà Vũ Thị Tr. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà Tr đã vi phạm thời hạn trả nợ dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Căn cứ theo lịch sử thanh toán của ông T, bà Tr tại Ngân hàng thể hiện, tính đến thời điểm xét xử (ngày 03/4/2025), ông T và bà Tr còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.289.773.580 đồng (một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm tám mươi đồng); trong đó: nợ gốc là 1.118.575.921 đồng, nợ lãi trong hạn là 73.821.622 đồng; lãi quá hạn là 2.958.768 đồng, nợ thẻ tín dung là 94.417.269 đồng (tiền thẻ gốc 57.665.000 đồng, nợ lãi và phí 36.752.269 đồng); điều này được bị đơn thừa nhận và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền là 1.289.773.580 đồng, bao gồm tiền nợ gốc, tiền nợ lãi và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng đã ký là có cơ sở theo quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

[2.2] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST23015116/2023/NTB/HĐTC ngày 08/6/2023 giữa ông Phạm Văn T, bà Vũ Thị Tr và Ngân hàng: Tại hợp đồng thế chấp, ông T và bà Tr thống nhất việc dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1547, tờ bản đồ số 6, tại phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK725240, số vào sổ CN13871 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/6/2023 cho ông Phạm Văn T để đảm bảo cho khoản vay cũng như các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng nêu trên khi bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp nêu trên. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì

tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp.

Xét thấy, việc thế chấp tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện; hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông T và bà Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với các Điều 320, 323 của Bộ luật Dân sự và hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

[3] Từ sự phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại điện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại các điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để trả lại cho nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 30, 39, 40, 91, 92, 96, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 320, 323 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bị đơn ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr về việc “Tranh chấp

hợp đồng tín dụng".

2. Buộc ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền là 1.289.773.580 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm tám mươi đồng); trong đó: nợ gốc là 1.118.575.921 đồng, nợ lãi trong hạn là 73.821.622 đồng, lãi quá hạn là 2.958.768 đồng, nợ thẻ tín dung là 94.417.269 đồng (tiền thẻ gốc 57.665.000 đồng, nợ lãi và phí 36.752.269 đồng).

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 04/4/2025 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, giấy nhận nợ và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín.

3. Trường hợp ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr không trả hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST23015116/2023/NTB/HĐTC ngày 08/6/2023 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK725240, số vào sổ cấp GCN: CN13871 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/6/2023 cho ông Phạm Văn T.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Tr phải chịu số tiền 50.693.000 đồng (Năm mươi triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; được trả lại số tiền 24.750.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000051 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Lê